

SỰ DUNG HỢP TÍN NGƯỠNG TRONG LỄ HỘI THỀ ĐỀN ĐỒNG CỔ (PHƯỜNG BƯỞI, QUẬN TÂY HỒ, HÀ NỘI)

NGÔ THỊ BÍCH KHUYÊN

Tóm tắt

Từ tín ngưỡng thờ vật tổ/ vật thiêng, người Việt đã tôn Trống đồng là thần và thờ phụng - thần Đồng Cổ (trống đồng) và cùng với đó là lễ hội được tổ chức ở những nơi thờ này với mục đích nhắc nhở, răn bảo con người phải hiếu nghĩa trong gia đình, trung thành với nhà vua và giang sơn xã tắc. Vì thế nên lễ hội có tên là Hội thề Đồng Cổ. Trong số những nơi thờ thần Đồng Cổ, đền Đồng Cổ ở Tây Hồ, Hà Nội vẫn lưu giữ, duy trì được những yếu tố từ ban đầu, mặc dù trong lễ hội và thần tích của vị thần được thờ đã bổ sung, dung hợp những lớp văn hóa, tín ngưỡng trong quá trình tồn tại.

Từ khóa: Tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội thề, sự dung hợp, đền Đồng Cổ

Abstract

From totem/ sacred object worship, the Vietnamese has respected the bronze drum (Trong dong) and worshiped Dong Co (drums) and along with it is the festival held at those places of worship with the purpose of reminding and warning the people of being dutiful in the family as well as loyal to the King and the country. That is why the festival is called Dong Co swear festival. Among some of Dong Co worship places, Dong Co Temple in Tay Ho, Hanoi has still maintained the original elements, although the festival's legends and deities have added with layers of culture, belief in it's existence process.

Keyword: Religion, belief, swear festival, fusion, Dong Co temple

Văn hóa Việt Nam hình thành và phát triển từ nhiều yếu tố tự nhiên, xã hội khác nhau và mang đặc trưng của nền văn hóa nông nghiệp. Yếu tố nông nghiệp thể hiện trong lối sống, tư duy và tín ngưỡng - tôn giáo mà lễ hội luôn là một biểu hiện sinh động. Tín ngưỡng của cư dân Việt là tín ngưỡng đa thần và trong quá trình tồn tại, các tín ngưỡng luôn đan xen hòa quyện với nhau. Thần có thể mang trên mình những tư cách đại diện cho các lớp tín ngưỡng - tôn giáo khác nhau. Điều này chúng ta có thể nhận biết được khi tìm hiểu một vị thần được thờ ở đình làng, vừa mang tư cách thành hoàng làng cũng có khi vừa là vị tổ nghề. Lễ hội dân gian luôn phản ánh trung thành các lớp tín ngưỡng - tôn giáo khác nhau ấy.

Đền Đồng Cổ ở phường Bưởi, quận Tây Hồ thành phố Hà Nội là một trong bốn ngôi đền, miếu liên quan đến lễ thề thần Đồng Cổ hiện còn ở Việt Nam. Ngoài ra còn có đền Đồng Cổ ở Đan Nê (Yên Định), đền Đồng Cổ ở Mỹ Đà (Hoàng Hoá, Thanh Hoá) và miếu Đồng Cổ ở Nguyên Xá (Minh Khai, Từ Liêm, Hà Nội). Ngày nay cả bốn ngôi đền, miếu này vẫn duy trì nghi lễ thề, nhưng ở mỗi địa phương lại tổ chức vào những ngày khác nhau, cách thức, và quy mô tổ chức của từng địa phương cũng khác nhau. Trong các lễ hội trên, chỉ riêng có lễ hội đền Đồng Cổ phường Bưởi (Tây Hồ, Hà Nội) là được ghi vào trong các sách điển lễ mang tầm cỡ quốc gia thời phong kiến. Ngày tổ chức lễ hội của đền này vẫn được duy trì vào ngày 4 tháng 4 theo đúng như sử cũ đã ghi.

Lễ hội đền Đồng Cổ trước đây được gọi là hội thề Trung - Hiếu (lễ thề, minh thệ). Đây là một nghi lễ cung đình, được tổ chức với những nghi thức nghiêm ngặt và chặt chẽ, thể hiện sự ứng xử giao tiếp giữa vua với bề tôi và yếu tố thần quyền được đề cao. Ngày nay, nối tiếp dòng chảy lịch sử, lễ hội vẫn được duy trì nhưng nghi thức đã giản lược đi rất nhiều. Yếu tố dân gian xâm nhập, làm cho lễ hội cung đình này trở thành lễ hội dân gian và từ lâu đã thuộc về người dân làng Đông Xã (tức phường Bưởi, quận Tây Hồ ngày nay) với ý nghĩa dung giáo dục luân lý, đạo đức sâu sắc.

Trong lễ hội thề xưa, người thề trước linh vị thần Đồng Cổ là vua chúa, văn võ bá quan, đại diện cho những người điều hành đất nước. Lời thề nhắc nhở, răn bảo mọi người phải hiếu nghĩa trong gia đình, trung thành với nhà vua và giang sơn xã tắc. Nhưng, hội thề đền Đồng Cổ ngày nay không còn là nghi thức của triều đình phong kiến. Khảo sát lễ hội này, chúng tôi thấy về cơ bản nó giống một lễ hội làng, lễ hội dân gian nhiều hơn, tuy vẫn giữ nghi thức lễ thề nhưng đã giản lược đi rất nhiều, chỉ nhằm mục đích tái hiện lại lịch sử mà thôi.

Lễ hội đền Đồng Cổ là một di sản quý và đặc sắc, thể hiện nét độc đáo của văn hóa Việt Nam. Trong lễ hội, ngoài nội dung chính đề cập đến chữ Trung – Hiếu, phản ánh nhu cầu xã hội lúc bấy giờ, còn chứa đựng nhiều giá trị lịch sử, văn hoá truyền thống, đặc biệt nó gắn liền với tín ngưỡng thờ “Thần” mà “thần núi Đồng Cổ” hay “thần Trống Đồng” được xếp vào loại các thần thuộc hào khí anh linh có ảnh hưởng sâu xa đến đời sống dân tộc (1).

Nghiên cứu việc phụng thờ thần Đồng cổ và lễ hội thề diễn ra tại đây, chúng tôi thấy có nhiều lớp tín ngưỡng hiện hữu trong đó như: tín ngưỡng thờ nhiên thần, tín ngưỡng thờ vật tổ dân tộc, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng và xen vào đó là ý thức hệ Nho giáo.

1. Vị thần được thờ trong đền Đồng Cổ ngày nay được thần phả và những ghi chép trong sử sách cổ khẳng định là thần núi Đồng Cổ - mang tư cách là một vị sơn thần. Như vậy thần đền Đồng Cổ phản ánh lớp tín ngưỡng cổ xưa nhất trong lịch sử loài người đó là tục thờ nhiên thần: thần Núi. Núi chính là nơi con người sinh ra. Con người từ trên núi xuống đồng bằng rồi ra biển. Núi nổi với trời cao là biểu thị của sự thông linh hai thế giới trần tục và tiên cảnh hay cõi cực lạc. Núi là biểu tượng cho sự vững chắc, trường tồn. Người ta thờ thần Núi ở khắp nơi. Nhiều công trình thờ phụng được đặt trên núi. Như vậy núi được coi là biểu tượng linh thiêng, chốn thiêng mà thần thánh thường trú ngụ. Vì thế người ta đã thiêng hoá Núi như một vị thần.

2. Sự hỗn dung trong lai lịch thần đền Đồng Cổ còn phản ánh một lớp tín ngưỡng cổ xưa khác của người Việt đó là tín ngưỡng thờ vật thiêng của dân tộc.

Thần đền Đồng Cổ được ghi chép rất rõ trong chính sử là vị thần Núi. Tuy vậy chúng ta vẫn thấy thần Đồng Cổ được đồng nhất với thần Trống Đồng. Sự đồng nhất này thể hiện ở ngay cái tên Đồng Cổ mang nghĩa trống đồng. Sự đồng nhất này có lẽ xuất phát từ tục lệ chôn, giấu trống đồng trong lòng núi của cư dân Việt cổ. Sách *Lĩnh ngoại đại đáp* của tác giả người Trung Quốc là Chu Khứ Phi - người làm quan ở Quế Lâm (rất gần Việt Nam), được viết năm 1178 (gần đời Lý) cho biết thông tin: “Người Giao Chỉ thường mua trống đem về chôn trong núi, chưa hiểu vì ý nghĩa gì?”. Tại chính núi Đan Nê (Thanh Hoá) cũng có đền Đồng Cổ. Có lẽ, xưa kia, đây cũng là một trong những nơi người Việt cổ tập trung cất, giấu trống đồng nên về sau, người dân đã đưa trống đồng vào thờ trong di tích.

Trống là một nhạc khí được sử dụng trong nhiều trường hợp: hội hè, nghi lễ, ma chay, cưới hỏi. Ngày nay ở một số địa phương thuộc

cư dân Mường và một số dân tộc thiểu số khác, người ta vẫn sử dụng trống đồng trong các tục lệ này. Bản thân trống đồng cũng được sử dụng trong các nghi lễ cầu mưa của cư dân Việt cổ. Thời Hùng Vương, nông nghiệp hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên, chính vì vậy nên đã xuất hiện tín ngưỡng sùng bái tự nhiên. Con người quan niệm có những vị thần coi về việc mưa nắng, vì vậy họ phải tiến hành các nghi lễ cầu đảo và trống đồng đã có mặt trong các nghi lễ như vậy. Những hoa văn trên mặt trống, đặc biệt những đường hồi văn được một số nhà nghiên cứu cho là bắt nguồn từ chữ “lôi” (sấm) đã cho thấy sự liên quan giữa trống đồng với những lễ cầu đảo. Tiếng trống ầm ầm như tiếng sấm đã biểu thị ý chí của toàn dân, có uy lực như thần Sấm, thần Sét là các vị thần chủ về mưa. Trống đồng cũng được sử dụng làm hiệu lệnh triệu tập mọi người trong bộ tộc khi có việc công, đồng thời còn được sử dụng trong việc động viên tinh thần quân sĩ khi ra trận. Việc cụ thể hoá ý nghĩa vật thiêng thần bí đã thể hiện ý thức cộng đồng dân tộc, cho nên tiếng trống càng có hiệu lực uy linh, càng có ý nghĩa đại diện cho cộng đồng. Vì thế trống đồng sớm được thần hoá và sớm được phụng thờ như một thần linh nhằm thống nhất ý chí tối cao, toàn năng của dân tộc. Trống đồng được thờ như một vị thần không phải là hiếm. Người Mường ở Phú Thọ, Thanh Hoá đều có thờ trống đồng. Trong xã hội người Kinh (Việt) sau này, vì nhiều lý do mà trống được tìm thấy khi đang lưu giữ trong các đình chùa như trống đồng Ngọc Lũ, Miếu Môn, Chùa Đậu... Trống đồng được coi là vị thần tồn tại cùng với đời sống nhân dân và bảo trợ cho họ trong đời sống tinh thần. Truyền thuyết về thần đền Đồng Cổ ở Thanh Hoá, Từ Liêm, Tây Hồ đều nói lên việc thần tham gia vào việc phù trợ đánh giặc ngay từ thời Hùng Vương đến các triều đại về sau. Sự phù giúp của thần đã tạo nên chiến thắng trong các cuộc chiến tranh. Như vậy, có thể khẳng định thần Đồng Cổ là vị thần chống xâm lược.

3. Sau sự kiện Tam vương nổi loạn và được thái tử Lý Phật Mã dẹp yên năm 1028, thần đền Đồng Cổ được đưa lên với tư cách là thần bảo trợ vương triều. Lễ hội được tổ chức tại đền mang tầm cỡ quốc gia, được các triều vua phong kiến chú ý tổ chức và tham dự. Cũng sau sự kiện này, vị thần đền Đồng Cổ từ một vị nhiên thần mang nhiều yếu tố tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp, nay có sự chi phối, tác động của hệ tư tưởng Nho giáo.

Nho giáo ra đời ở Trung Quốc khoảng thế kỷ V TCN. Trải qua quá trình tồn tại và phát triển lâu dài, Nho giáo trở thành hệ tư tưởng thống trị đời sống xã hội Trung Quốc. Nho giáo vào Việt Nam ngay từ những năm đầu thời kỳ Bắc thuộc. Cũng được gọi là “giáo” nhưng Nho giáo về bản chất là một hệ tư tưởng chính trị - xã hội hơn là một tôn giáo. Học thuyết Nho giáo bàn đến nhiều vấn đề của đời sống xã hội, đặc biệt là vấn đề tu dưỡng rèn luyện đạo đức cá nhân với những chuẩn mực như Tam cương, Ngũ thường đối với Nam; Tam tòng, Tứ đức đối với nữ. Đó là những qui định về đạo đức cá nhân mang tính bắt buộc. Nho giáo còn đề cao hai đức tính Trung và Hiếu trong Tam cương (ba mối quan hệ cơ bản của con người). Nho giáo đưa Trung, Hiếu lên hàng đầu, mang tính bắt buộc đến khắc khe.

Quân xử thần tử, thần bất tử, bất trung.

Phụ xử tử vong, tử bất vong, bất hiếu.

Dịch nghĩa:

Vua xử bề tôi chết, bề tôi không chết là bất trung.

Cha buộc con chết, con không chết là bất hiếu.

Rõ ràng để bảo toàn Trung- Hiếu con người Nho giáo cần thiết phải hy sinh cả tính mạng của mình.

Phạm trù đạo đức Trung- Hiếu của Nho giáo được thể hiện khá rõ trong lễ hội đền

Đền Cổ. Phạm trù đạo đức ấy thể hiện ngay trong lời thề. Các tài liệu cổ có nói đến lời thề trong lễ thề đền Đền Cổ. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* chép: “Làm con bất hiếu, làm tôi bất trung, xin thần minh chu diệt”. Tài liệu cổ cũng không ghi gì nhiều hơn khiến ta cảm nhận rằng Trung và Hiếu là hai nội dung chính của lời thề và của cả lễ thề. Việc nhà nước đứng ra tổ chức lễ thề ở đền Đền Cổ nhằm mục đích để các thành viên tham dự tuyên thệ và khẳng định sự Trung- Hiếu của cá nhân đối với triều đình trước Minh chủ. Từ một nghi lễ tế thần liên quan đến tín ngưỡng nông nghiệp thời cổ đại, lễ thần Đền Cổ được phục hồi, đổi mới trên cơ sở phong kiến hoá và Nho giáo hoá để trở thành một nghi lễ thề mang tầm cỡ quốc gia. Nguyên nhân làm xuất hiện vấn đề này vào thời Lý và việc nhà Lý mượn thần Đền Cổ làm Minh chủ cho một lễ thề không đơn giản chỉ một giấc mộng của Lý Thái Tông.

Thần phả và một số ghi chép trong sử sách mang tính truyền thuyết cho ta thấy việc thần đền Đền Cổ nhiều lần hiển ứng giúp đỡ các cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống lại giặc ngoại xâm. Thần trước đó cũng giúp sức cho cả triều đình phong kiến, rõ nhất là lần hiển ứng giúp vua Lý đi đánh Chiêm Thành khi ông đang còn là Thái tử vào năm 1020. Với những công lao như vậy, thần đền Đền Cổ xứng đáng được thờ cúng bốn mùa, hưởng lễ của nhân gian. Nhưng phải đến sau sự kiện Tam vương nổi loạn năm 1028, thần đền Đền Cổ mới chính thức trở thành vị thần Minh chủ cho lễ thề trong hệ thống bách thần của Việt Nam.

Sự kiện Tam vương nổi loạn năm 1028 được nhiều tài liệu lịch sử ghi chép, cho ta thấy đây là một sự kiện lớn có ảnh hưởng tới thời kỳ này. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* ghi chép về sự kiện này như sau: “khi ấy phủ binh của ba vương vây bức càng gấp, thái tử liệu không thể ngăn được”, “quan đứng đầu tỉnh Quảng Tây lo việc ở Việt Nam có loạn mới tâu xin cho các Châu Ung, Khâm, Quảng, Huệ tăng binh phòng thủ

để ngừa việc phi thường. Vua Tống xuống chiếu tạm phái tuần kiể các Châu đem binh sĩ bản bộ ra gần biên thủy phòng thủ chờ yên tĩnh lại về chỗ cũ” (2). Cuộc nổi loạn đã ảnh hưởng vượt ra khỏi biên giới quốc gia khiến triều Tống còn phải phòng bị. Một sự kiện như vậy chắc chắn triều đình phải chú ý đối phó. Cuộc nổi loạn được dẹp yên và phe nổi loạn phải trả giá bằng cái chết của một hoàng tử là Vũ Đức. Dẹp được loạn, triều đình cũng không thể thanh trừng toàn bộ phe phản loạn, bởi ba người đứng đầu là ba vị hoàng tử con vua và còn khá nhiều quan lại, binh sĩ ủng hộ ba hoàng tử. Vấn đề chữ Trung của bề tôi với vua, Hiếu của con cái với cha mẹ được đặt ra lúc này là cần thiết. Ngay hoàng tử Lý Phật Mã cũng không dám thẳng tay với các em trai mình, đã than thở với bề tôi: “Ta muốn che giấu tội ác của ba vương, khiến họ tự ý rút quân chịu tội để được vẹn toàn tình cốt nhục là hơn” (3). Triều đình nhà Lý tìm thấy những lý thuyết trong Nho giáo phù hợp và đem vận dụng vào cuộc sống. Như vậy việc tìm thấy và vận dụng học thuyết Nho giáo vào xây dựng chính quyền đã phản ánh quá trình tìm tòi của nhà nước Đại Việt đang trên đà phát triển. Sau nghìn năm Bắc thuộc và gần trăm năm mất ổn định, sự thay thế nhau liên tục của các triều đại ngắn ngủi Ngô - Đinh- Tiền Lê trước đó đã cho những bài học đắt giá về các vụ nội loạn con phản cha, anh phản em. Vì thế Lý Phật Mã khi lên ngôi đã kiên quyết trấn áp bằng vũ lực và giải quyết tận gốc rễ vấn đề Trung, Hiếu.

Sự việc thần báo mộng cho Lý Phật Mã - người được chính danh kế vị Lý Thái Tổ chưa chắc đã là kết quả có thực từ linh cảm của một người nằm trong biến cố mà đó chỉ là cái cớ để lập hội thề sau biến loạn. Việc thần báo mộng như vậy cũng rất gần với những giấc mộng khác để các vua triều Lý xây dựng đền, miếu, chùa chiền. Có khá nhiều đền chùa được xây dựng ở đời Lý xuất phát từ những giấc mơ như việc xây dựng chùa Một Cột.

Việc mượn chuyện giấc mộng thực chất là việc đặt chuyện thần để đề cao uy thế của vua, coi việc vua mới lên ngôi là hợp lẽ trời, phù hợp với thuyết chính danh của Nho giáo. Thần quyền ở đây đã thống nhất với vương quyền. Ai chống lại vua tức là chống lại trời, sẽ phải chịu thảm họa từ trời, đúng như lời thề trong lễ thề đền Đồng Cổ “thần minh giết chết”. Từ sự kiện Tam vương nổi loạn năm 1028, vấn đề cần giải quyết không đơn thuần từ đám quan lại bất trung mà lại là từ chính những người thân thích nhất của nhà vua trong hoàng tộc. Chính vì vậy Trung phải gắn với Hiếu, giải quyết việc nước phải gắn với tổ chức việc nhà. Thần đền Đồng Cổ không chỉ có địa vị quan trọng trong gia đình nhà vua mà còn trong cả một tập đoàn phong kiến đang thống trị quốc gia. Thần không chỉ hộ trì cho triều đình mà còn hộ trì cho cả quốc gia. Gần 50 năm sau, lời tuyên ngôn “Nam quốc sơn hà Nam Đế cư” được phát ra từ thần đền Trương Hống - Trương Hát, thực chất cũng phản ánh việc thần hộ trì cho nền độc lập của đất nước vậy.

Tinh thần và tư tưởng của Nho giáo còn được thể hiện trong việc “tôn quân”. Thần dù có rất nhiều công lớn với triều đình nhưng thực chất vẫn phải được vua phong danh hiệu mới thành linh thiêng được. Ngay trong lời tự xưng của thần trong giấc mộng, thần cũng phải “xin” đi đánh trận, “mong” lập công lao và cuối cùng thần cũng “xin” được cấp đất xây đền. Chúng ta thấy một bức màn tôn giáo bao trùm lên lai lịch thần. Người đang sống (vua) nhờ người cõi thiêng (Thần) để được chính danh. Người cõi thiêng lại nhờ người đang sống để được phong thần.

4. Do sự biến đổi của lịch sử xã hội, vai trò của thần đền Đồng Cổ không còn tư cách vị

thần phù trợ cho triều đình. Lễ hội đền Đồng Cổ cũng không còn tư cách quốc lễ. Tất cả được hạ cấp, địa phương hoá. Thần đền Đồng Cổ trở thành thần của làng xã và mang tư cách

Cổ ngày nay (ngoài những sắc phong của đình gửi ở đền) cho ta biết thần đã được các triều đại phong kiến coi như “Bản thổ tôn thần” (Sắc phong năm 1924 niên hiệu Khải Định thứ 9). Một số sắc phong phong cho vị thần có tên là “Bảo hộ đại vương” thực chất chính là thần Đồng Cổ.

Kết luận

Từ hiện tượng dung hợp các tư tưởng, tín ngưỡng và tôn giáo khác nhau tại di tích và lễ hội đền Đồng Cổ, chúng ta có thể thấy một hiện tượng phổ biến trong lễ hội nói riêng cũng như trong đời sống tinh thần của người Việt nói chung. Đó là sự hài hòa, dễ dàng chấp nhận và dung hợp nhiều yếu tố để tạo ra những giá trị tốt đẹp phục vụ sự phát triển của cuộc sống. Đặc điểm trên cũng là một trong những nguyên nhân làm lên sức mạnh của dân tộc Việt - biết chấp nhận những khác biệt, thống nhất trong đa dạng để tạo lên sức mạnh tổng hợp đưa dân tộc trường tồn và vượt qua thử thách của mọi thời đại.

N.T.B.K

(Ths, Phòng Đào tạo Sau đại học)

Tài liệu tham khảo

1. Lý Tế Xuyên (1960), *Việt điện u linh*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
2. Lê Tắc (1962), *An Nam chí lược*, Nxb. Viện Đại học Huế, TP Huế.
3. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê (1993), *Đại việt sử ký toàn thư*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Ủy ban Nhân dân phường Bưởi (1996), *Lịch sử phường Bưởi*, Nxb. Công ty in Thống Nhất, Hà Nội.
5. Tạ Chí Đại Trùng (2006), *Thần người và đất Việt*, Nxb. Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

thành hoàng. Những sắc phong tại đền Đồng

Ngày nhận bài: 22 - 11 - 2015

Ngày phản biện, đánh giá: 3 - 5 -

2016 Ngày chấp nhận đăng: 28 - 6

- 2016

